TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 12 - 2023
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Hoàng Thị Thiện Lai và ông Lê Đức Thụy.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 610/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 638/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

- *Bị đơn:* ông Tôn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày, bà và ông T do mai mối, tiến tới hôn nhân năm 2005, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang, chung sống Hồng phúc được 13 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm. Vì vậy, bà đề nghị ly hôn với ông T.

- Về con chung: bà và ông T có 04 con chung tên Tôn Thanh N, sinh ngày

09/5/2007, Tôn Văn N1, sinh ngày 16/02/2009, Tôn Thị Thu T1, sinh ngày 14/6/2014 và Tôn Thị D, sinh ngày 03/3/2018, hiện các con do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn bà H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Tôn Văn T vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H: Trích lục kết hôn số 455/TLKH-BS ngày 03/8/2023, Giấy khai sinh của các cháu: Tôn Thị Thu T1, Tôn Thị D, Tôn Văn N1, Tôn Thanh N, cùng các tài liệu chứng cứ khác như: căn cước công dân của bà H, các tài liệu này đều là bản sao có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền.

Tại phiên tòa:

- Bà Trần Thị Kim H trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình. Ngoài ra, tại phần tranh luận bà đề nghị: do ông T thường xuyên cờ bạc, vợ chồng cũng đã nhiều lần chia tay, nhưng vì các con nên đã hàn gắn tình cảm để chung sống, nhưng ông T không thay đổi, vì vậy hơn 03 năm nay giữa bà với ông T đã tự sống ly thân, bà cũng xác định tới thời điểm xét xử giữa bà và ông T có 04 con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

- Ông Tôn Văn T vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến, do ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim H đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Tôn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Kim H và ông Tôn Văn T, có đăng ký kết hôn, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, quá trình chung sống giữa bà H, ông T có mâu thuẫn do ông T không quan tâm chăm lo cho vợ, con; quá trình giải quyết vụ án ông cũng không có mặt để có ý hàn gắn hôn nhân, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

Về còn chung: có 04 con chung tên Tôn Thanh N, sinh ngày 09/5/2007, Tôn Văn N1, sinh ngày 16/02/2009, Tôn Thị Thu T1, sinh ngày 14/6/2014 và Tôn Thị D, sinh ngày 03/3/2018, bà H yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tôn Văn T, cả bà H và ông T đều cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H trình bày do được mai mối, tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới năm 2005, nhưng đến năm 2010 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang; bà H, ông T đều đủ diều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, bà H khẳng định không còn tình cảm với ông T, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai có thời gian sống ly thân hơn 03 năm nay, vợ chồng không còn chăm lo cho nhau, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông. Cho thấy, tình cảm giữa bà H và ông T là có mâu thuẫn, nên tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà Trần Thị Kim H xác định tới thời điểm Tòa án xét xử vụ án, giữa bà và ông Tôn Văn T có có 04 con chung tên Tôn Thanh N, sinh ngày 09/5/2007, Tôn Văn N1, sinh ngày 16/02/2009, Tôn Thị Thu T1, sinh ngày 14/6/2014 và Tôn Thị D, sinh ngày 03/3/2018, bà H yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Quá trình tố tụng, cán bộ Tòa án đã ghi nhận ý kiến của các cháu, cũng như các cháu đã tự trình bày ý kiến, đều có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn, mong muốn được sống chung với mẹ, điều này phù hợp với yêu cầu của bà H. Vì vậy, để đảm bảo cho sự ổn định về cuộc sống, tâm lý của các cháu, nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà H, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Tôn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 57, 81, 82, 84, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H đối với ông Tôn Văn T;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Tôn Văn T, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà H, ông T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: bà Trần Thị Kim H và ông Tôn Văn T có có 04 con chung tên Tôn Thanh N, sinh ngày 09/5/2007, Tôn Văn N1, sinh ngày 16/02/2009, Tôn Thị Thu T1, sinh ngày 14/6/2014 và Tôn Thị D, sinh ngày 03/3/2018, giao các con chung cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014033 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 10 năm 2023; Bà Trần Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

Ông Tôn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên